

Số : 84 /CDGD
V/v cấp kinh phí hoạt động công đoàn
Lần 03 năm 2019

Hoà Bình, ngày 17 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình tính từ ngày 01/5/2019 đến hết ngày 10/6/2019, Công đoàn Giáo dục Hoà Bình thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1. Công đoàn Giáo dục Hoà Bình cấp 0,98 kinh phí hoạt động công đoàn lần 03 năm 2019 cho những đơn vị đã nộp 2% kinh phí công đoàn về tài khoản của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình tính từ ngày 01/5/2019 đến hết ngày 10/6/2019 (Biểu số 01 đính kèm).

2. Công đoàn Giáo dục Hoà Bình thông báo tới các công đoàn cơ sở số kinh phí phải cấp và kinh phí đã trừ 10% Nghị quyết 9C/NQ-BCH của lần 03 năm 2019 (Biểu số 02 đính kèm).

Ban chấp hành công đoàn cơ sở theo dõi, tổng hợp số kinh phí phải cấp, số kinh phí đã trừ để đưa số liệu vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2019 gồm 02 mục: đưa số kinh phí phải cấp cho CĐCS theo số thực thu 0,98 (ở cột số 05 của biểu số 02) vào dòng “kinh phí cấp trên cấp”; đưa số kinh phí đã trừ theo NQ9C (ở cột số 08 của biểu số 02) vào dòng “kinh phí nộp cấp trên”.

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đề nghị các công đoàn cơ sở nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CDGD Hoà Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc

THÔNG BÁO
CẤP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN LẦN 3 NĂM 2019

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2018	Cấp lần 1 năm 2019	Cấp lần 2 năm 2019	Cấp lần 3 năm 2019	Tổng cộng
1	Trường THPT Cộng Hòa	747,514		12,596,000		13,343,514
2	Trường THPT Đại Đồng			13,693,000		13,693,000
3	Trường THPT Quyết Thắng	709,665	3,001,000	3,409,000	3,172,000	10,291,665
4	Trường THPT Lạc Sơn	2,880,746	4,862,000	4,860,000	2,388,000	14,990,746
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	921,536		5,186,000		6,107,536
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	1,830,584	1,557,000	3,409,000	4,720,000	11,516,584
7	Trường THPT Thạch Yên	1,580,827	2,498,000	2,494,000	1,237,000	7,809,827
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	609,695	3,371,000	3,256,000	1,628,000	8,864,695
9	Trường THPT Cao Phong	2,949,192	4,551,000	4,868,000	2,316,000	14,684,192
10	Trường THPT Kỳ Sơn	865,339	4,582,000	4,598,000	4,592,000	14,637,339
11	Trường THPT Phú Cường	1,856,689	3,031,000	2,827,000	1,414,000	9,128,689
12	Trường THPT Lương Sơn		6,019,000	5,412,000	2,568,000	13,999,000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	6,473,790		6,232,000		12,705,790
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	407,286	3,728,000	3,628,000	1,786,000	9,549,286
15	Trường THPT Cù Chính Lan	2,815,724		8,605,000		11,420,724
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	508,079	4,109,000	1,343,000	1,343,000	7,303,079
17	Trường THPT Lạc Thủy B	3,073,546	4,733,000	4,919,000	2,420,000	15,145,546
18	Trường THPT Lạc Thủy		4,638,000	4,687,000	2,365,000	11,690,000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	544,292	2,931,000	3,150,000	1,515,000	8,140,292
20	Trường THPT Mai Châu	1,005,873	5,300,000	5,748,000	2,774,000	14,827,873

21	Trường THPT Mai Châu B	455,173	1,193,000	2,564,000	2,438,000	6,650,173
22	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mai Châu	879,573	3,167,000	3,375,000	3,375,000	10,796,573
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu					
24	Trường THPT Yên Thủy C	592,622		4,525,000		5,117,622
25	Trường THPT Yên Thủy A			8,537,000		8,537,000
26	Trường THPT Yên Thủy B	2,834,042	4,485,000	4,582,000	2,292,000	14,193,042
27	Trường THPT Thanh Hà	2,461,694	3,429,000	3,690,000	1,733,000	11,313,694
28	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Yên Thủy	3,660,432		3,600,000		7,260,432
29	Trường THPT 19/5	1,125,056	5,819,000	6,130,000		13,074,056
30	Trường THPT Kim Bôi	930,340	5,746,000	5,656,000	2,859,000	15,191,340
31	Trường PTDTNT THCS &THPT huyện Kim Bôi	628,208	3,521,000	3,575,000	2,000,000	9,724,208
32	Trường THPT Sào Báy	748,295	3,973,000	3,833,000	1,926,000	10,480,295
33	Trường THPT Bắc Sơn	461,509	2,674,000	2,633,000	1,296,000	7,064,509
34	Trường THPT Mường Chiềng	632,322	2,824,000	2,989,000	1,441,000	7,886,322
35	Trường THPT Yên Hoà	360,921	1,861,000	2,056,000	1,048,000	5,325,921
36	Trường THPT Đà Bắc	2,637,485	4,044,000	4,472,000	2,130,000	13,283,485
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	1,251,890	2,033,000	2,036,000	1,017,000	6,337,890
38	Trường PTDTNT THCS &THPT huyện Đà Bắc	527,826		6,529,000		7,056,826
39	Trường THPT Đoàn Kết		1,756,000	5,411,000	1,843,000	9,010,000
40	Trường THPT Tân Lạc	897,757	4,935,000	5,327,000	2,556,000	13,715,757
41	Trường THPT Mường Bi	2,695,740	4,169,000	4,520,000	4,362,000	15,746,740
42	Trường THPT Lũng Vân	887,390	1,928,000	921,000	1,843,000	5,579,390
43	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tân Lạc	902,612		6,310,000		7,212,612
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh		7,822,000	7,549,000	7,665,000	23,036,000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ		12,662,000	12,748,000	12,729,000	38,139,000
46	Trường THPT Công nghiệp			10,620,000	11,017,000	21,637,000
47	Trường THPT Lạc Long Quân	1,032,614	5,324,000	5,325,000	5,260,000	16,941,614
48	Trường THPT Ngô Quyền		3,176,000	3,485,000	1,575,000	8,236,000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình		10,060,000	10,787,000	10,060,000	30,907,000
50	Trung tâm GDTX tỉnh		3,682,000	3,858,000	3,694,000	11,234,000

51	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình		5,455,000	5,632,000	5,642,000	16,729,000
52	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn			2,947,000		2,947,000
53	Trung tâm THHN-NNTH	1,577,266	3,701,000	3,287,000	3,209,000	11,774,266
54	Công ty CP sách & TBTH				2,563,000	2,563,000
	Cộng	57,961,144	168,350,000	264,429,000	133,811,000	624,551,144

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Mạnh Thắng

Hoà Bình, ngày 17 tháng 6 năm 2019

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Ngọc

THÔNG BÁO
SỐ LIỆU KINH PHÍ CẤP BÙ TRỪ THEO NGHỊ QUYẾT 9C/NQ-BCH
(LẦN 3 NĂM 2019)

STT	Tên đơn vị	Số KP tính để trích nộp theo NQ 9C từ 01/5 đến hết ngày 10/6/2019	Ước số 1% đoàn phí thu tại đơn vị	Số KP phải cấp cho CĐCS theo số thực thu (0,98)	Ước số chi phụ cấp cho BCH của CĐCS (30%)	Số kinh phí được tính để trích nộp theo NQ 9C/NQ- BCH	Số kinh phí trừ 10% theo NQ 9C/NQ-BCH
1	2	3	4=3/2	5	6=(4+5)*30%	7=4+5-6	8=7*10%
1	Trường THPT Cộng Hòa		-	-			
2	Trường THPT Đại Đồng		-	-			
3	Trường THPT Quyết Thắng	7,540,600	3,770,300	3,695,000	2,239,590	5,225,710	523,000
4	Trường THPT Lạc Sơn	5,675,000	2,837,500	2,781,000	1,685,550	3,932,950	393,000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn		-	-			
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	11,218,000	5,609,000	5,497,000	3,331,800	7,774,200	777,000
7	Trường THPT Thạch Yên	2,941,020	1,470,510	1,441,000	873,453	2,038,057	204,000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	3,869,316	1,934,658	1,896,000	1,149,197	2,681,461	268,000
9	Trường THPT Cao Phong	5,504,248	2,752,124	2,697,000	1,634,737	3,814,387	381,000
10	Trường THPT Kỳ Sơn	10,917,200	5,458,600	5,349,000	3,242,280	7,565,320	757,000

11	Trường THPT Phú Cường	3,360,600	1,680,300	1,647,000	998,190	2,329,110	233,000
12	Trường THPT Lương Sơn	6,104,810	3,052,405	2,991,000	1,813,022	4,230,384	423,000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn		-	-			
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	4,245,800	2,122,900	2,080,000	1,260,870	2,942,030	294,000
15	Trường THPT Cù Chính Lan		-	-			
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	3,191,000	1,595,500	1,564,000	947,850	2,211,650	221,000
17	Trường THPT Lạc Thủy B	5,753,224	2,876,612	2,819,000	1,708,684	3,986,928	399,000
18	Trường THPT Lạc Thủy	5,621,800	2,810,900	2,755,000	1,669,770	3,896,130	390,000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	3,603,044	1,801,522	1,765,000	1,069,957	2,496,565	250,000
20	Trường THPT Mai Châu	6,593,500	3,296,750	3,231,000	1,958,325	4,569,425	457,000
21	Trường THPT Mai Châu B	5,796,300	2,898,150	2,840,000	1,721,445	4,016,705	402,000
22	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	8,021,800	4,010,900	3,931,000	2,382,570	5,559,330	556,000
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu	-	-	-			
24	Trường THPT Yên Thủy C		-	-			
25	Trường THPT Yên Thủy A		-	-			
26	Trường THPT Yên Thủy B	5,446,365	2,723,183	2,669,000	1,617,655	3,774,528	377,000
27	Trường THPT Thanh Hà	4,118,800	2,059,400	2,018,000	1,223,220	2,854,180	285,000
28	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Yên Thủy		-	-			

29	Trường THPT 19/5		-	-			
30	Trường THPT Kim Bôi	6,796,000	3,398,000	3,330,000	2,018,400	4,709,600	471,000
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	4,755,500	2,377,750	2,330,000	1,412,325	3,295,425	330,000
32	Trường THPT Sào Báy	4,577,400	2,288,700	2,243,000	1,359,510	3,172,190	317,000
33	Trường THPT Bắc Sơn	3,082,400	1,541,200	1,510,000	915,360	2,135,840	214,000
34	Trường THPT Mường Chiềng	3,424,000	1,712,000	1,678,000	1,017,000	2,373,000	237,000
35	Trường THPT Yên Hoà	2,492,000	1,246,000	1,221,000	740,100	1,726,900	173,000
36	Trường THPT Đà Bắc	5,063,000	2,531,500	2,481,000	1,503,750	3,508,750	351,000
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	2,419,000	1,209,500	1,185,000	718,350	1,676,150	168,000
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc		-	-			
39	Trường THPT Đoàn Kết	4,381,600	2,190,800	2,147,000	1,301,340	3,036,460	304,000
40	Trường THPT Tân Lạc	6,076,000	3,038,000	2,977,000	1,804,500	4,210,500	421,000
41	Trường THPT Mường Bi	10,368,500	5,184,250	5,081,000	3,079,575	7,185,675	719,000
42	Trường THPT Lũng Vân	4,380,800	2,190,400	2,147,000	1,301,220	3,036,180	304,000
43	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Tân Lạc		-	-			
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	18,220,999	9,110,500	8,928,000	5,411,550	12,626,950	1,263,000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	30,257,400	15,128,700	14,826,000	8,986,410	20,968,290	2,097,000
46	Trường THPT Công nghiệp	26,187,000	13,093,500	12,832,000	7,777,650	18,147,850	1,815,000

47	Trường THPT Lạc Long Quân	12,504,400	6,252,200	6,127,000	3,713,760	8,665,440	867,000
48	Trường THPT Ngô Quyền	3,744,500	1,872,250	1,835,000	1,112,175	2,595,075	260,000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	23,912,800	11,956,400	11,717,000	7,102,020	16,571,380	1,657,000
50	TT GDTX tỉnh	8,779,200	4,389,600	4,302,000	2,607,480	6,084,120	608,000
51	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	13,410,400	6,705,200	6,571,000	3,982,860	9,293,340	929,000
52	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn		-	-			
53	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp-NNTH	7,628,800	3,814,400	3,738,000	2,265,720	5,286,680	529,000
54	Công ty CP sách & TBTH	6,092,640	3,046,320	2,985,000	1,809,396	4,221,924	422,000
Cộng		318,076,766	159,038,383	155,857,000	94,468,615	220,426,768	22,046,000

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Mạnh Thắng

Hòa Bình, ngày 17 tháng 6 năm 2019

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc